

Số: 169/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 09 tháng 01 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Xây dựng Đảng và Chính
quyền nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDDHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDDHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp XIII ngày 08/01/2023 của Hội đồng.

QUYẾT NGHỊ:

1. Đoàn đánh giá ngoài thực hiện khảo sát chính thức từ ngày 07 đến ngày 11 tháng 10 năm 2022 và đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền của Đoàn đánh giá ngoài. Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ mức 4,0 điểm trở lên là 44 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 88%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu” (chi tiết trong Phụ lục I).

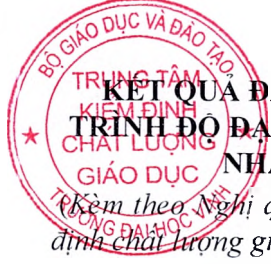


3. Kiến nghị Học viện Báo chí và Tuyên truyền tham khảo 11 nhóm khuyến nghị của Hội đồng (chi tiết trong Phụ lục II) và xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của Học viện.

4. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền theo quy định hiện hành.

5. Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo của Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước của Học viện Báo chí và Tuyên truyền được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận Chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục./.





Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH XÂY DỰNG ĐẲNG VÀ CHÍNH QUYỀN
NHÀ NƯỚC CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN**

Kèm theo Nghị quyết số 169/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Mức đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn | | | Tiêu chuẩn, tiêu chí | Mức đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn | | | | |
|-------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|--------------------------|------------------------------------|---|-------|
| | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%) | | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%) | | |
| Tiêu chuẩn 1 | | 4,00 | 3 | 100 | Tiêu chuẩn 7 | | 4,00 | 5 | 100 | | |
| Tiêu chí 1.1 | 4 | | | | Tiêu chí 7.1 | 4 | | | | | |
| Tiêu chí 1.2 | 4 | | | | Tiêu chí 7.2 | 4 | | | | | |
| Tiêu chí 1.3 | 4 | Tiêu chí 7.3 | 4 | | | | | | | | |
| | | Tiêu chí 7.4 | 4 | | | | | | | | |
| Tiêu chuẩn 2 | | 3,67 | 2 | 66,67 | Tiêu chí 7.5 | 4 | | | | | |
| Tiêu chí 2.1 | 3 | | | | Tiêu chuẩn 8 | | | | | | |
| Tiêu chí 2.2 | 4 | | | | Tiêu chí 8.1 | 4 | | | | | |
| Tiêu chí 2.3 | 4 | | | | | 4,20 | 5 | 100 | | | |
| Tiêu chuẩn 3 | | 3,67 | 2 | 66,67 | Tiêu chí 8.2 | | | | 4 | | |
| Tiêu chí 3.1 | 4 | | | | Tiêu chí 8.3 | | | | 4 | | |
| Tiêu chí 3.2 | 3 | | | | Tiêu chí 8.4 | | | | 4 | | |
| Tiêu chí 3.3 | 4 | | | | Tiêu chí 8.5 | 5 | | | | | |
| Tiêu chuẩn 4 | | 4,00 | 3 | 100 | Tiêu chuẩn 9 | | 4,40 | 5 | 100 | | |
| Tiêu chí 4.1 | 4 | | | | Tiêu chí 9.1 | 5 | | | | | |
| Tiêu chí 4.2 | 4 | | | | Tiêu chí 9.2 | 4 | | | | | |
| Tiêu chí 4.3 | 4 | Tiêu chí 9.3 | 4 | | | | | | | | |
| | | Tiêu chí 9.4 | 4 | | | | | | | | |
| Tiêu chuẩn 5 | | 3,80 | 4 | 80,00 | Tiêu chí 9.5 | 5 | | | | | |
| Tiêu chí 5.1 | 4 | | | | Tiêu chuẩn 10 | | | | | | |
| Tiêu chí 5.2 | 4 | | | | Tiêu chí 10.1 | 4 | | | | | |
| Tiêu chí 5.3 | 3 | | | | Tiêu chí 10.2 | 4 | | | 3,83 | 4 | 66,67 |
| Tiêu chí 5.4 | 4 | | | | Tiêu chí 10.3 | 3 | | | | | |
| Tiêu chí 5.5 | 4 | Tiêu chí 10.4 | 5 | | | | | | | | |
| Tiêu chuẩn 6 | | 4,14 | 6 | 85,71 | Tiêu chí 10.5 | 4 | | | | | |
| Tiêu chí 6.1 | 5 | | | | Tiêu chí 10.6 | 3 | | | | | |
| Tiêu chí 6.2 | 4 | | | | Tiêu chuẩn 11 | | | | 4,00 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 6.3 | 4 | | | | Tiêu chí 11.1 | 4 | | | | | |
| Tiêu chí 6.4 | 3 | | | | Tiêu chí 11.2 | 4 | | | | | |
| Tiêu chí 6.5 | 4 | | | | Tiêu chí 11.3 | 4 | | | | | |
| Tiêu chí 6.6 | 4 | | | | Tiêu chí 11.4 | 4 | | | | | |
| Tiêu chí 6.7 | 5 | Tiêu chí 11.5 | 4 | | | | | | | | |
| Mức trung bình | | | | | Số tiêu chí đạt | | Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%) | | | | |
| 4,00 | | | | | 44 | | 88 | | | | |

0 DUY
 TRƯ
 KIẾ
 CHẤ
 GI
 TRƯ
 ON



Phụ lục II



CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC CỦA HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

(Kèm theo Nghị quyết số 169/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước (sau đây gọi tắt là CTĐT) của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, giai đoạn 2017-2022, đã được Học viện tự đánh giá và được Đoàn đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau:

Mục tiêu của CTĐT rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Học viện, phù hợp với quy định trong Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT thể hiện được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, phù hợp với Khung trình độ Quốc gia Việt Nam. Bản mô tả CTĐT có khá đủ thông tin theo quy định, đã cập nhật những vấn đề mới của lĩnh vực ngành đào tạo, có tham khảo các ý kiến góp ý của các bên liên quan. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT, có cấu trúc tương đối hợp lý giữa các khối kiến thức, đảm bảo sự gắn kết logic giữa kiến thức đại cương với kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, phù hợp với Triết lý giáo dục, thể hiện rõ tinh thần giáo dục người học có khả năng làm việc trong lĩnh vực lý luận chính trị, tư tưởng văn hóa, truyền thông, có khả năng thích ứng nhanh với thời đại. Ban hành các quy định liên quan đến công tác kiểm tra đánh giá và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện; đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được tuyển dụng, đào tạo, sử dụng và quản lý phù hợp và có tiêu chí đánh giá cụ thể, công khai. Chính sách tuyển sinh hằng năm phù hợp với các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với thực tiễn của Học viện. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập của sinh viên được phân nhiệm cụ thể, rõ ràng tới từng cá nhân và đơn vị. Hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp và rèn luyện kỹ năng được đặc biệt chú trọng. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng và có đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu. Hệ thống thu thập ý kiến các bên liên quan với các bước và biểu mẫu khảo sát giúp thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn được giám sát, chất lượng sinh viên tốt nghiệp được nhà tuyển dụng hài lòng cao.

Tuy nhiên, để CTĐT tiếp tục được cải tiến, nâng cao chất lượng hơn nữa, Hội đồng kiến nghị Học viện quan tâm các lĩnh vực theo 11 nhóm giải pháp đề xuất sau đây:

(i) Rà soát từng chuẩn đầu ra của CTĐT phù hợp với các quy định và chỉnh sửa để đảm bảo các chuẩn đầu ra đều có thể đo lường thuận lợi, làm cơ sở cho thiết kế chương

trình dạy học; hướng dẫn, tập huấn cho giảng viên về cơ sở khoa học và cách thức xây dựng các ma trận kết nối giữa chuẩn đầu ra của CTĐT với mục tiêu của CTĐT, giữa các học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT.

(ii) Xây dựng, phê duyệt và công bố chính thức Bản mô tả CTĐT ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước với tên chương trình phù hợp; làm rõ nội hàm của Bản mô tả CTĐT trong đó cần bổ sung thông tin về chương trình dạy học vào bản mô tả CTĐT. Rà soát kỹ và cập nhật đề cương học phần, nhất là cập nhật học liệu đối với những học phần liên quan đến những vấn đề chính trị có tính thời sự cao; xem xét lại cách thức xây ma trận kỹ năng để đảm bảo các ma trận cụ thể, rõ ràng, phù hợp với từng mối quan hệ.

(iii) Tập huấn cho cán bộ, giảng viên về xây dựng ma trận kết nối giữa các học phần với chuẩn đầu ra. Tăng thêm thời lượng về nghiệp vụ sư phạm cho CTĐT ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước. Xem xét đề bố trí xen kẽ các học phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp với các học phần kiến thức giáo dục đại cương trên cơ sở vừa đảm bảo tính logic trong cấu trúc của chương trình dạy học vừa đảm bảo sự hứng thú trong học tập cho sinh viên năm đầu.

(iv) Phổ biến rộng rãi Triết lý giáo dục hơn nữa cho các bên liên quan; làm rõ hơn về nội dung mục tiêu giáo dục. Xây dựng giải pháp phù hợp tạo điều kiện cho giảng viên khắc phục những hạn chế của cơ sở vật chất, kinh phí để đảm bảo thực hiện hiệu quả các hoạt động giảng dạy đặc biệt với các học phần thực tập, kiến tập chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước. Bổ sung các học phần thực hành, thực tế và ngoại ngữ một cách hợp lý nhất cả về mặt thời lượng và thời điểm.

(v) Rà soát và giám sát chặt chẽ hơn nữa khâu chấm thi và làm tốt công tác hậu kiểm, giám sát các khâu khác của quá trình kiểm tra đánh giá của các học phần, để đảm bảo quy định của Học viện về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng các văn bản quy định; dựa trên việc phân tích kết quả đánh giá học phần của người học để xác định độ tin cậy của đề thi, độ tin cậy của phương pháp đánh giá, từ đó đề xuất cải tiến phương pháp đánh giá và công tác ra đề.

(vi) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên theo giai đoạn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và theo nhóm ngành tương ứng với chiến lược phát triển của Học viện; rà soát Đề án vị trí việc làm để điều chỉnh số lượng vị trí giảng viên phù hợp. Xây dựng chính sách mạnh hơn để thu hút giảng viên có chức danh, trình độ cao và trẻ hóa đội ngũ làm nòng cốt cho ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. Xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học với các cơ sở nghiên cứu trong nước. Ban hành một văn bản chung quy định về việc đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên trên cơ sở tích hợp các văn bản có quy định tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên (có thể bằng các KPIs) nhằm đảm bảo số giờ chuẩn về nhiệm vụ giảng

VÀ Đ
IG TẢ
M ĐIN
LUC
O DI
ĐẠI H

dạy và nghiên cứu khoa học.

(vii) Tiến hành khảo sát, tổng hợp, phân tích, đánh giá nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên một cách bài bản hơn và tổ chức các khóa đào tạo về thiết kế phát triển CTĐT nhằm tăng cường năng lực cho đội ngũ hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh các văn bản liên quan đến công tác tuyển dụng phù hợp với tình hình thực tế của Học viện và Nghị định 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ; cân nhắc việc xây dựng và tổ hợp đầy đủ các tiêu chí để xây dựng thành Bộ tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên một cách bài bản hơn.

(viii) Cải tiến hoạt động thu thập ý kiến của các bên liên quan về xây dựng chính sách tuyển sinh để có thể thu hút được sinh viên chất lượng cao hơn. Định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả của đội ngũ cố vấn học tập, đồng thời cải tiến phần mềm quản lý đào tạo để có thể phân quyền nhiều hơn cho các cá nhân đơn vị liên quan, tiện lợi trong việc nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện của người học; tăng cường hiệu quả công tác tư vấn việc làm để tăng tỉ lệ sinh viên làm việc phù hợp với chuyên môn được đào tạo, tạo thêm không gian hoạt động cho các câu lạc bộ, sinh hoạt đội nhóm của sinh viên, không gian riêng cho hoạt động chuyên môn giữa cố vấn học tập và người học.

(ix) Tăng số lượng phòng học ứng dụng công nghệ hiện đại, tăng cường việc kết nối nguồn dữ liệu học liệu số với các trường đại học khác. Đầu tư thêm chức năng thống kê số lượng tài liệu theo ngành, theo năm cho Phần mềm thư viện Kipos; bổ sung, cập nhật tài liệu học tập thường xuyên hơn; tăng số máy khử từ; trang bị phòng thực hành phương pháp giảng dạy riêng với thiết bị phù hợp cho việc rèn luyện nghiệp vụ giảng dạy, phòng thực hành dạy học trực tuyến; đầu tư phần mềm quản lý dạy-học trực tuyến (như LMS), tăng cường sản xuất học liệu e-learning. Phát triển phần mềm quản lý minh chứng phục vụ công tác kiểm định.

(x) Đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến các bên liên quan để có thông tin làm căn cứ cho việc rà soát, cải tiến quy trình xây dựng, cập nhật và phát triển chương trình dạy học; ban hành quy định và thực hiện rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan trên cơ sở thu thập thông tin từ các đơn vị trong Học viện và thông qua các hội thảo chuyên đề làm cơ sở cải tiến cơ chế phản hồi các bên liên quan đáp ứng cho việc cải tiến tất cả các khâu và nâng cao chất lượng CTĐT.

(xi) Ban hành quy định về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên các khóa đào tạo. Chú trọng các giải pháp để giảm số sinh viên thôi học và tăng tỉ lệ sinh viên có việc làm phù hợp với ngành đào tạo. Đổi mới chính sách khuyến khích sinh viên tham gia

nghiên cứu khoa học như tăng số lượng đề tài và tăng kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu đáp ứng Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ; cần nâng cao chất lượng khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng sinh viên tốt nghiệp và thực hiện đổi mới.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Học viện cần đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục của Học viện.

Sau nửa chu kì kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, Học viện cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục đối với CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh theo quy định./.

